

Số: 783/BC-CĐĐS

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2024

## **BÁO CÁO** **VỀ VIỆC LẤY Ý KIẾN KHẢO SÁT HSSV NĂM 2024**

Thực hiện Kế hoạch Thực hiện mục tiêu chất lượng số 06 về việc lấy ý kiến khảo sát đào tạo năm 2024 ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Phòng Kiểm định chất lượng đào tạo, Phòng KĐCLĐT đã tổ chức khảo sát lấy ý kiến HSSV đang học tập trong trường với các nội dung về hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện chính sách liên quan đến người học; khảo sát, lấy ý kiến của người học đã tốt nghiệp sau 06 tháng với các nội dung về có việc làm phù hợp nghề được đào tạo; có việc làm phù hợp với năng lực sở trường; kiến thức, kỹ năng được đào tạo phù hợp với thực tế công việc và mức thu nhập. Phòng KĐCLĐT đã triển khai thực hiện kế hoạch khảo sát cụ thể, chi tiết theo từng tháng, với sự phối hợp của các phòng, khoa, trung tâm, phân hiệu và HSSV các hệ đào tạo, thông qua phiếu khảo sát dưới hình thức ứng dụng phần mềm khảo sát Google form, kết quả như sau:

### **I. KHẢO SÁT ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI HSSV ĐANG HỌC TẬP TRONG TRƯỜNG**

Phòng KĐCLĐT tiến hành khảo sát từ tháng 03/2024 đến tháng 9/2024 tại 03 khu vực trong toàn trường với tổng số 255 phiếu/14.280 lượt đánh giá với các nội dung như sau:

#### **1. Khảo sát về chất lượng, hiệu quả của các hình thức phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy**

Phòng KĐCLĐT đã lấy ý kiến khảo sát đánh giá về chất lượng, hiệu quả của các hình thức phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy các môn học/mô-đun của các ngành, nghề thuộc lĩnh vực đang đào tạo tại trường gồm: Vận tải đường sắt, Công trình giao thông đường sắt, Thông tin tín hiệu đường sắt, Đầu máy-Toa xe, Đường sắt đô thị các hệ đào tạo cao đẳng, trung cấp của Trường, cho 255 HSSV tham gia khảo sát với 10.710 lượt đánh giá (01 phiếu/42 lượt nội dung đánh giá). Cụ thể như sau:

- Nhóm nghề Công trình đường sắt khảo sát 01 lớp K56-TC.XDCTGTĐS2 với các môn học/mô-đun: Đường sắt thường thức, An toàn lao động, Vật liệu xây dựng;

- Nhóm nghề Đầu máy-Toa xe khảo sát 02 lớp K56-TC.LTĐS1, K56-SC.SCĐM2 với các môn học/mô-đun: An toàn lao động, Vẽ kỹ thuật công trình, Điện kỹ thuật, Truyền động thủy lực và bộ đảo chiều, Cấu tạo và sửa chữa động cơ Diesel, Cấu tạo và sửa chữa bộ phận chạy đầu máy;

- Nhóm nghề Đường sắt đô thị khảo sát 04 lớp K56-SC.NV vé Đường sắt đô thị với các môn học/mô-đun: An toàn lao động, Tổng quan về ĐSDT, Vận hành ĐSDT;

- Nhóm nghề Thông tin tin hiệu ĐS khảo sát 01 lớp K16-CD.TTTH1 với các môn học/mô-đun: Pháp luật, GDTC, Điện kỹ thuật;

- Nhóm nghề Vận tải đường sắt khảo sát 04 lớp K55-TC.ĐHCTH2, K56-TC.ĐHCTH1, K56-TC.ĐHCTH3, K56-SC.GG,GN4 với các môn học/mô-đun: Đường sắt thường thức, Tiếng anh chuyên ngành, Tổ chức chạy tàu, Giải quyết sự cố TNGT vận tải đường sắt, Tổ chức vận tải hàng hoá, hành khách; Tổ chức vận tải hàng hoá, hành khách liên vận quốc tế, Quản trị doanh nghiệp vận tải đường sắt. Chi tiết thể hiện ở bảng sau:

TT	Nhóm nghề/lớp/MH,MD	Số lớp	Số phiếu	Số MH, MD	Số lượt	Mức độ đánh giá				
						Tốt	Khá	TB	Yếu	Kém
1	Nhóm nghề Công trình đường sắt	01	14	03	588	574	14	-	-	-
	Tỷ lệ %					97,6	1,2	-	-	-
2	Nhóm nghề Đầu máy-Toa xe	02	23	06	966	927	36	03	-	-
	Tỷ lệ %					96,0	2,7	0,3	-	-
3	Nhóm nghề Đường sắt đô thị	04	139	03	5838	5314	365	142	07	-
	Tỷ lệ %					91,0	6,3	2,4	0,1	-
4	Nhóm nghề Thông tin tin hiệu ĐS	01	12	03	504	453	35	16	-	-
	Tỷ lệ %					89,9	6,9	3,2	-	-
5	Nhóm nghề Vận tải ĐS	04	67	08	2814	2720	87	06	-	-
	Tỷ lệ %					96,7	3,1	0,2	-	-
	<b>Tổng</b>	<b>12</b>	<b>255</b>	<b>23</b>	<b>10710</b>	<b>9988</b>	<b>537</b>	<b>167</b>	<b>7</b>	<b>0</b>
	<b>Tỷ lệ %</b>					<b>93.3</b>	<b>5.0</b>	<b>1.6</b>	<b>0.07</b>	<b>0.0</b>

Trong đó phân ra theo khu vực:

TT	Nhóm nghề/lớp/MH,MD	Số lớp	Số phiếu	Số MH, MD	Số lượt	Mức độ đánh giá				
						Tốt	Khá	TB	Yếu	Kém
1	Khu vực Hà Nội	7	104	17	4368	4221	137	9	-	-
	Tỷ lệ %					96.6	3.2	0.2	-	-
2	PH CĐĐS Đà Nẵng	1	12	3	504	453	35	16	-	-
	Tỷ lệ %					89.9	6.9	3.2	-	-
3	PH CĐĐS Phía Nam	4	139	3	5838	5314	365	142	7	-
	Tỷ lệ %					91	6.3	2.4	0.1	0

## 2. Khảo sát về chất lượng dịch vụ và chế độ chính sách đối với người học

Khảo sát đối với HSSV với tổng số 255 phiếu/3570 lượt đánh giá (01 phiếu/14 lượt nội dung đánh giá). Đánh giá các tiêu chí bao gồm: tổ chức thi theo quy chế; việc công bố kết quả thi đúng thời gian quy định; thái độ phục vụ của cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường; các trang thiết bị phục vụ học tập, giảng dạy; các khoản thu của nhà trường; chất lượng dịch vụ chăm sóc y tế; an ninh trật tự trong khu vực trường, nhà ở ký túc xá, kết quả như sau:

- Nhóm nghề Công trình giao thông ĐS khảo sát 01 lớp K56-TC.XDCTGTĐS2;

- Nhóm nghề Đầu máy-Toa xe khảo sát 02 lớp K56-TC.LTĐS1, K56-SC.SCDM2;
- Nhóm nghề Đường sắt đô thị khảo sát 04 lớp K56-SC.NV vé ĐSĐT;
- Nhóm nghề Thông tin tín hiệu đường sắt khảo sát 01 lớp K16-CĐ.TTTH1;
- Nhóm nghề Vận tải đường sắt khảo sát 4 lớp: K55-TC.ĐHCTH2, K56-TC.ĐHCTH1, K56-TC.ĐHCTH3, K56-SC.GG,GN4.

Chi tiết thể hiện ở bảng sau:

TT	Nhóm nghề/lớp	Số lớp	Số phiếu	Số lượt	Mức độ đánh giá				
					Tốt	Khá	TB	Yếu	Kém
1	Nhóm nghề Công trình giao thông ĐS	1	14	196	183	13	0	0	0
2	Nhóm nghề Đầu máy-Toa xe	2	23	322	304	18	0	0	0
3	Nhóm nghề Đường sắt đô thị	4	139	1946	1647	167	121	11	0
4	Nhóm nghề Thông tin tín hiệu ĐS	1	12	168	125	25	18	0	0
5	Nhóm nghề Vận tải đường sắt	4	67	938	881	40	14	3	0
	<b>Tổng</b>	<b>12</b>	<b>255</b>	<b>3570</b>	<b>3140</b>	<b>263</b>	<b>153</b>	<b>14</b>	<b>0</b>
	<b>Tỷ lệ %</b>				<b>88.0</b>	<b>7.4</b>	<b>4.3</b>	<b>0.4</b>	<b>0.0</b>

Trong đó phân ra theo khu vực:

TT	Khu vực	Số lớp	Số phiếu	Số lượt	Mức độ đánh giá				
					Tốt	Khá	TB	Yếu	Kém
1	Khu vực Hà Nội	7	104	1456	1368	71	14	03	0
	Tỷ lệ %				94	44.9	0.9	0.2	0
2	PH CĐĐS Đà Nẵng	1	12	168	125	25	18	0	0
	Tỷ lệ %				74.4	14.9	10.7	0	0
3	PH CĐĐS Phía Nam	4	139	1946	1647	167	121	11	0
	Tỷ lệ %				84.6	8.6	6.2	0.6	0

#### \* Ý kiến khác

- Về chất lượng dịch vụ: Có 05 ý kiến về tăng cường thiết bị thực hành, 02 ý kiến bổ sung đồng phục tay ngắn mùa hè, 06 ý kiến tăng cường các trang thiết bị phục vụ KTX (Điện, nước, quạt, ĐHKK...), 03 ý kiến tăng cường dịch vụ căng-tin, khu thể thao tại cả 3 khu vực.

- Về chế độ chính sách với người học: Có 02 ý kiến về chế độ học bổng, khen thưởng (xét học bổng theo HK, khen thưởng cho HS lớp ngắn hạn) tại cơ sở Long biên.

## II. KHẢO SÁT ĐỐI VỚI HSSV TỐT NGHIỆP SAU 06 THÁNG

Tiến hành khảo sát đối với 121 lượt HSSV các nghề TTTH trình độ cao đẳng, trung cấp; nghề Lái tàu đường sắt trình độ trung cấp; nghề ĐHCT trình độ trung cấp. Nội dung khảo sát: có việc làm phù hợp với năng lực sở trường; có việc làm phù hợp nghề được đào tạo; kiến thức, kỹ năng được đào tạo phù hợp với thực tế công việc và mức thu nhập cho các nhóm nghề:

- Nhóm nghề TTTH gồm 02 lớp: K14-CĐ.TTTH và K53-TC.TTTH;
- Nhóm nghề ĐHCTH gồm 3 lớp: K53-TC.ĐHCT1, K53-TC.ĐHCT2 và K53-TC.ĐHCT3.

- Nhóm nghề Nghề Lái tàu ĐS và Lái tàu điện gồm 4 lớp: K53-TC.LTĐS1, K53-TC.LTĐS2, K53-TC.LTĐS2 và K1-TC.LTĐ, kết quả cụ thể như sau:

### 1. Việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo

TT	Nhóm nghề	Số HSSV	Số phiếu	Trạng thái		Mức độ đánh giá	
				Có VL	Chưa	Phù hợp	Tỷ lệ %
1	Nhóm nghề TTHH	21	10	10		9	90
2	Nhóm nghề ĐHCTH	56	49	49		41	83.7
3	Nhóm nghề Nghề Lái tàu ĐS và lái tàu điện	95	62	51	11	51	100
	<b>Tổng</b>	<b>172</b>	<b>121</b>	<b>110</b>		<b>101</b>	<b>83</b>

Trong đó phân ra theo khu vực:

TT	Khu vực	Số HSSV	Số phiếu	Trạng thái		Mức độ đánh giá	
				Có VL	Chưa	Phù hợp	Tỷ lệ %
1	Khu vực Hà Nội	108	75	64	11	57	89
2	PH CĐĐS Đà Nẵng	16	5	5		5	100
3	PH CĐĐS Phía Nam	48	41	41		39	95.1

### 2. Công việc phù hợp với năng lực sở trường

TT	Nhóm nghề	Số HSSV	Số phiếu	Mức độ đánh giá				
				Tốt	Khá	TB	Yếu	Kém
1	Nhóm nghề TTHH	21	10	8	2	-	-	-
	Tỷ lệ %			80	20			
2	Nhóm nghề ĐHCTH	56	49	34	13	2	-	-
	Tỷ lệ %			69.4	26.5	4.1		
3	Nhóm nghề Nghề Lái tàu ĐS và lái tàu điện	95	62	45	3	9	5	-
	Tỷ lệ %			72.6	4.8	14.5	8.1	-
	<b>Tổng</b>		<b>121</b>	<b>87</b>	<b>18</b>	<b>11</b>	<b>5</b>	
	<b>Tỷ lệ %</b>			<b>71.9</b>	<b>14.9</b>	<b>9.1</b>	<b>4.1</b>	<b>0</b>

Trong đó phân ra theo khu vực:

TT	Nhóm nghề	Số HSSV	Số phiếu	Mức độ đánh giá				
				Tốt	Khá	TB	Yếu	Kém
1	Khu vực Hà Nội	108	75	53	8	6	-	-
	Tỷ lệ %			70.7	10.7	7.6	-	-
2	PH CĐĐS Đà Nẵng	16	5	4	1	-	-	-
	Tỷ lệ %			80	20	-	-	-
3	PH CĐĐS Phía Nam	48	41	27	9	5	-	-
	Tỷ lệ %			65.9	22	12.1	-	-

### 3. Kiến thức, kỹ năng phù hợp với thực tế công việc

TT	Nhóm nghề	Số HSSV	Số phiếu	Mức độ đánh giá				
				Tốt	Khá	TB	Yếu	Kém
1	Nhóm nghề TTHH	21	10	6	2	2	-	-
	Tỷ lệ %			60	20	20	-	-
2	Nhóm nghề ĐHCTH	56	49	39	7	3	-	-
	Tỷ lệ %			79.6	14.3	6.1	-	-
3	Nhóm nghề Nghề Lái tàu ĐS và lái	95	62	44	11	7	-	-

	tàu điện							
	Tỷ lệ %			71	17.7	11.3	-	-
	<b>Tổng</b>		<b>121</b>	<b>89</b>	<b>20</b>	<b>12</b>	-	-
	<b>Tỷ lệ %</b>			73.6	16.5	9.9	0	0

Trong đó phân ra theo khu vực:

TT	Khu vực	Số HSSV	Số phiếu	Mức độ đánh giá				
				Tốt	Khá	TB	Yếu	Kém
1	Khu vực Hà Nội	108	75	54	14	7	-	-
	Tỷ lệ %			72	18.7	9.3	-	-
2	PH CĐDS Đà Nẵng	16	5	3	1	1	-	-
	Tỷ lệ %			60	20	20	-	-
3	PH CĐDS Phía Nam	48	41	32	5	4	-	-
	Tỷ lệ %			78	12.2	9.8	-	-

#### 4. Mức thu nhập

TT	Nhóm nghề	Số HSSV	Số phiếu	Mức độ đánh giá (triệu đồng)				
				Dưới 5 tr	Từ 5- <7 tr	Từ 7- <9 tr	Từ 9- <12 tr	≥12 tr
1	Nhóm nghề TTTH	21	10		2	8	-	-
	Tỷ lệ %				20	80	-	-
2	Nhóm nghề ĐHCTH	56	49	6	43	-	-	-
	Tỷ lệ %			12.2	87.8	-	-	-
3	Nhóm nghề Nghề Lái tàu ĐS và lái tàu điện	95	62	5	15	42	-	-
	Tỷ lệ %			8.1	24.2	67.7	-	-
	<b>Tổng</b>			<b>11</b>	<b>60</b>	<b>50</b>		
	<b>Tỷ lệ %</b>			<b>9.1</b>	<b>49.6</b>	<b>41.3</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

Trong đó phân ra theo khu vực:

TT	Khu vực	Số HSSV	Số phiếu	Mức độ đánh giá				
				Dưới 5 tr	Từ 5- <7 tr	Từ 7- <9 tr	Từ 9- <12 tr	≥12 tr
1	Khu vực Hà Nội	108	75	9	29	36	-	-
	Tỷ lệ %			12	38.7	48	-	-
2	PH CĐDS Đà Nẵng	16	5	-	1	4	-	-
	Tỷ lệ %			-	20	80	-	-
3	PH CĐDS Phía Nam	48	41	2	30	9	-	-
	Tỷ lệ %			4.9	73.3	18.8	-	-

\* Ý kiến khác: Không.

### III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

#### 1. Kết luận

Qua quá trình khảo sát, có sự phối kết hợp của các phòng, khoa, trung tâm, HSSV các lớp tại cả 03 khu vực nên công tác khảo sát thực hiện thuận lợi. Các ý kiến cơ bản khách quan, phản ánh cụ thể về các tiêu chí lấy ý kiến khảo sát.

- Về chất lượng, hiệu quả của các hình thức phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy: Tổng các ý kiến đánh giá Tốt và Khá chiếm trên 90%.

- Về chất lượng dịch vụ và chế độ chính sách đối với người học: Tổng các ý kiến đánh giá Tốt và Khá chiếm trên 90%.

- Về người học sau tốt nghiệp 6 tháng: Tỷ lệ người có việc làm phù hợp sau tốt nghiệp chiếm trên 80%.

- Các ý kiến đóng góp khác: Về chất lượng dịch vụ cần bổ sung thêm các trang thiết bị với chuyên ngành Lái tàu, Điều hành chạy tàu hoả trong học tập và thực hành nghề; cần tạo và dành nhiều sân chơi hơn để HSSV có môi trường hoạt động văn hóa thể thao, giải trí tại nơi học tập, sinh hoạt.

## 2. Kiến nghị

- Phòng Đào tạo căn cứ tình hình thực tế tham mưu tổ chức các hình thức phương thức đào tạo thích hợp đáp ứng nhu cầu của người học và doanh nghiệp.

- Các khoa đơn đốc các giảng viên tiếp tục thực hiện tốt các Chương trình đào tạo, cải tiến phương pháp giảng dạy, trau dồi kiến thức chuyên môn và thực tiễn, thực hiện tốt nội quy quy chế của Trường, đề cao đạo đức nghề nghiệp không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

- Các phòng CTHSSV, phòng Đào tạo, phòng KĐCLĐT, trung tâm TVGDNN, các phân hiệu và các bộ phận liên quan căn cứ kết quả khảo sát, căn cứ tình hình thực tế của Trường và Phân hiệu tham mưu lãnh đạo các giải pháp để nâng cao chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện các chính sách liên quan đến người học. *th*

### Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐQT, BGH (để b/c);
- Phòng ĐT, các khoa, các PH, TTTV GDNN;
- Lưu VT, P.KĐCLĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Phạm Ngọc Hoàn**